TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST- HNGĐ	*Kon Plông, ngày 22 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T; sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Bùi Xuân Q; sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Bùi Xuân Q

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Bùi Xuân Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Bùi Thị Mộc L sinh ngày 31/7/2015. Anh Bùi Xuân Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18

(Mười tám) tuổi và sống tự lập được. Anh Bùi Xuân Q được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Xuân Q không thực hiện hoặc chậm thực hiện số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Bùi Xuân Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Áp dụng Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), anh Bùi Xuân Q phải nộp 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước, chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện nhận nộp thay cho anh Bùi Xuân Q số tiền này, tổng cộng chị Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0006484, ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Ủy ban nhân dân xã Đăk Cấm, Tp Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Hải